

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

S : /Q -UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về việc ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành hướng dẫn tạm thời Về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”;

Căn cứ Kết luận của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh tại phiên họp ngày 01/11/2021;

Xét đề nghị của Sở Y tế (Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định này Quy định tạm thời “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Các nội dung về công tác phòng, chống dịch COVID-19 không có phần i Quy định này thì thực hiện theo các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh, UBND tỉnh, Chi nhánh UBND tỉnh.

Điều 3. Quy t nh này có hi u l c k t ngày ky.

Chánh V n phòng UBND t nh, Giám c các s , Tr ng các ngành, n v c p t nh; Thành viên Trung tâm Ch huy phòng, ch ng d ch COVID-19 t nh; Ch t ch UBND các huy n, th xã, thành ph ; Th tr ng các n v và các cá nhân có liên quan ch u trách nhi m thi hành Quy t nh này./.

Nơi nhận:

- Nh i u 3 Q ;
- BC Qu c gia phòng, ch ng d ch Covid-19 (b/c);
- V n phòng Chính ph (b/c);
- B Ý t (b/c);
- TTr: T nh y, H ND t nh (b/c);
- Các /c y viên Ban Th ng v T nh y (c/);
- Ch t ch, các PCT UBND t nh;
- UBMTTQ t nh và các t ch c oàn th c p t nh;
- Thành viên BC phòng, ch ng d ch Covid-19 t nh;
- ng chí Bí th các huy n, th , thành y (c/);
- ài PTTH t nh, Báo Thanh Hóa;
- L u: VT, THKH, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

QUY ĐỊNH TẠM THỜI
“Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của
UBND tỉnh Thanh Hóa)

I. MỤC TIÊU

1. Bảo vệ tính an toàn, tính mạng con người dân; hạn chế nghiêm trọng mức độ lây nhiễm, ca bệnh do COVID-19; và thực hiện phòng, chống dịch hiệu quả, và duy trì phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; thực hiện thành công mục tiêu kép, giảm nguy cơ lây nhiễm phòng, chống dịch COVID-19 trong trạng thái bình thường mới trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Ứng dụng nhanh và bao phủ các biện pháp y tế công cộng để bảo vệ toàn dân, tiếp cận nhanh áp dụng các biện pháp ưu tiên, các loại trừ COVID-19 phù hợp, mức độ hiệu quả cao, an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19.

3. Bảo đảm thích ứng trong triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19, nâng cao phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương trong kiểm soát tình hình dịch bệnh, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống nhân dân.

II. QUAN ĐIỂM

1. Bảo đảm mục tiêu kép giảm thiểu các ca bệnh, tính mạng con người dân lên trên hết, trước hết; các biện pháp phòng, chống dịch phải dựa trên cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn và điều kiện của tỉnh; bảo đảm tính chủ động, linh hoạt, thích ứng trong phòng, chống dịch, thực hiện mục tiêu kép; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thích ứng trong toàn tỉnh, nâng cao phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở.

2. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy; huy động các lực lượng chính trị; nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, trách nhiệm của người đứng đầu trong phòng, chống dịch, thực hiện mục tiêu kép; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo thích ứng trong toàn tỉnh, nâng cao phát huy tính chủ động, sáng tạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở.

3. Trong phòng, chống dịch phải lấy phòng dịch là trung tâm, cơ bản, lâu dài; yếu tố là lực lượng nòng cốt cùng với các lực lượng quần chúng, công an,... nâng cao vai trò của người dân, doanh nghiệp là trung tâm, là chủ thể trong phòng, chống dịch, trong sản xuất kinh doanh.

4. Các ghi ý pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 phải thực hiện chặt chẽ, đồng loạt, kịp thời, quy trình; đảm bảo hài hòa giữa các ghi ý pháp chuyên môn y tế và các ghi ý pháp hành chính, kinh tế - xã hội. Các ghi ý pháp y tế phải nêu bật các cách ly và xét nghiệm, lưu trữ, vaccine, theo phương châm “cách ly, xét nghiệm là then chốt, vaccine, lưu trữ là ưu tiên quy tắc”; tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc 5K và ứng dụng công nghệ thông tin trong phòng, chống dịch.

III. PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CẤP ĐỘ DỊCH

1. Phân loại cấp độ dịch

- Cấp 1: Nguy cơ thấp (bình thường mức 1) tình hình dịch vụ màu xanh.
- Cấp 2: Nguy cơ trung bình tình hình dịch vụ màu vàng.
- Cấp 3: Nguy cơ cao tình hình dịch vụ màu cam.
- Cấp 4: Nguy cơ rất cao tình hình dịch vụ màu đỏ.

2. Phạm vi đánh giá cấp độ dịch

Đánh giá quy mô toàn tỉnh; quy mô tỉnh huyện, thị xã, thành phố (ghi chung là cấp huyện); quy mô tỉnh xã, phường, thị trấn (ghi chung là cấp xã); khuyến khích đánh giá tại phạm vi, quy mô nhỏ nhất có thể (địa cấp xã) nhằm bảo vệ linh hoạt, hiệu quả.

3. Tiêu chí đánh giá cấp độ dịch

a) Tiêu chí số 1: Tỷ lệ ca mắc mới tại cộng đồng/số dân/thời gian

Thực hiện đánh giá theo công thức: Số ca mắc mới tính ngày/100.000 người/tuần và cấp huyện và công thức số ca mắc mới tính ngày/10.000 người/tuần và cấp xã, cách tính toán như sau:

$$Số\ ca\ mắc\ mới\ tính\ ngày/100.000\ người/1\ tuần = [(Số\ ca\ mắc\ mới\ trong\ tuần + Số\ ca\ mắc\ mới\ ca\ tu\ n\ tr\ c) / (2 \times Dân\ số\ trên\ địa\ bàn)] \times 100.000.$$
 Ca mắc mới tính ngày không bao gồm ca nhập cảnh, ca mắc trong các cách ly y tế tập trung. Đối với cấp xã áp dụng công thức ca mắc mới tính ngày/10.000 người/1 tuần, cách tính tương tự như trên nhưng nhân với 10.000 thay vì 100.000.

Số ca mắc mới tính ngày/100.000 người/tuần (ca mắc mới) được phân theo 04 mức tăng dần theo hướng dẫn của Quy trình số 4800/Q - BYT, ngày 12/10/2021 (mức 1: 0 - < 20; mức 2: 20 - < 50; mức 3: 50 - < 150; mức 4: ≥ 150). Cấp xã áp dụng 4 mức như trên nhưng ghi rõ các mức lần lượt là 2, 5, 15 ca mắc mới tính ngày/10.000 người. Các địa phương có thể ưu tiên ghi mức hoặc số ca mắc mới trong từng mức độ cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Tiêu chí số 2: Độ bao phủ vắc xin

Thước chỉ này đánh giá theo chỉ số: Tỷ lệ người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 01 liều vắc xin phòng COVID-19, được phân theo 02 mức sau:

- Tỷ lệ cao: 70% người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 1 liều vắc xin.
- Tỷ lệ thấp: <70% người từ 18 tuổi trở lên được tiêm ít nhất 1 liều vắc xin.

Tỷ lệ tiêm chủng sẽ được cập nhật, đánh giá theo kết quả và tiến độ tiêm chủng phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và thời điểm đánh giá cấp độ.

c) Tiêu chí số 3: Khả năng thu dung, điều trị

- Việc thu dung, điều trị bệnh nhân COVID-19 trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện theo Quyết định số 3414/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án điều trị COVID-19 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Việc triển khai phương án điều trị bệnh nhân COVID-19 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố: giao Sở Y tế chỉ đạo, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Bệnh viện địa phương, khu vực xây dựng phương án thu dung điều trị bệnh nhân COVID-19 trên địa bàn, mỗi Bệnh viện địa phương tuyến huyện, khu vực có ít nhất 40 giường điều trị bệnh nhân COVID-19 (khi mật độ dưới 1.000 bệnh nhân trong toàn tỉnh); 40% số giường của bệnh viện (khi mật độ từ 1.000 đến 3.000 bệnh nhân trong toàn tỉnh); 60% số giường của bệnh viện (khi mật độ từ 3.000 đến 5.000 bệnh nhân trong toàn tỉnh); duy trì mật độ 60% số giường của bệnh viện (khi density trên 5.000 bệnh nhân trong toàn tỉnh), đồng thời sẵn sàng phương án bố trí nhân lực, phương tiện, trang thiết bị tham gia điều trị tại các điểm điều trị bệnh nhân COVID-19 của tỉnh theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh.

- Rà soát, xây dựng kế hoạch tăng cường ưu tiên trang thiết bị, nhân lực cho Trung tâm Y tế xã, phường, thị trấn đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch và điều trị bệnh nhân COVID-19 khi có yêu cầu. Giao UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết lập Trung tâm Y tế lưu động trên địa bàn theo Quyết định số 4042/QĐ-BYT ngày 21/8/2021 của Bộ Y tế.

- Giao Sở Y tế chỉ đạo, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan, xây dựng kế hoạch bổ sung hệ thống Oxy trung tâm tại các bệnh viện điều trị COVID-19 số 1, số 2, số 3 và 27 Bệnh viện địa phương các huyện, thị xã, thành phố, khu vực, dung tích phù hợp với quy mô dân số và lưu lượng bệnh nhân, kinh phí từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và ngân sách bệnh viện liên quan. Chỉ đạo phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp xây dựng phương án

thị trường Tr m Y t l u ng t i Khu kinh t Nghi S n và các khu công nghi p trên à bàn t nh.

d) Điều chỉnh cấp độ dịch

- n ngày 30/11/2021, yêu c ut i thi u 80% ng i t 50 tu i tr lên c tiêm li u v c xin phòng COVID-19. N u không t c yêu c u nêu trên thì ph i t ng lên 01 c p d ch.

- C n c ti n , k t qu tiêm ch ng v c xin, diên bi n d ch, kh n ng thu dung, i u tr , tình hình th c tiên (c i m kinh t , xã h i, dân c , ...) và các yêu c u t ra t i quy nh này; S Y t , UBND c p huy n, UBND c p xã ch ng th c hi n ánh giá, i u ch nh c p d ch cho sát v i tình hình th c tiên công tác phòng, ch ng d ch COVID-19.

4. Phương pháp xác định cấp độ dịch

Trên c s ánh giá tình hình d ch theo các tiêu chí nêu trên; S Y t ánh giá xác nh c p d ch c p t nh; UBND các huy n, th xã, thành ph ánh giá xác nh c p d ch quy mô c p huy n; UBND các xã, ph ng, th tr n ánh giá xác nh c p d ch quy mô c p xã theo b ng sau:

| Tiêu chí 1 | 0 - < 20 (C p xã: 0 - < 2) | 20 – <50 (C p xã: 2 – <5) | 50 - <150 (C p xã: 5 - <15) | 150 (C p xã 15) |
|--|--|------------------------------|--------------------------------|--------------------|
| 70% ng i t 18 tu i tr lên c tiêm ít nh t 1 li u v c xin | C p 1 (màu xanh) | C p 1 (màu xanh) | C p 2 (màu vàng) | C p 3 (màu cam) |
| <70% ng i t 18 tu i tr lên c tiêm ít nh t 1 li u v c xin | C p 1 (màu xanh) | C p 2 (màu vàng) | C p 3 (màu cam) | C p 4 (màu) |
| | ánh giá: “ t” ho c “Không t” n u ánh giá “Không t” thì không c gi m c p d ch | | | |

5. Quyết định và công bố cấp độ dịch trên địa bàn tỉnh

C n c tình hình d ch b nh trên à bàn t nh, hàng tu n, ho c khi d ch có diên bi n m i, th c hi n theo nguyên t c: c p nào quy t nh thì công b c p d ch c p ó. C th nh sau:

- UBND các xã, phường, thị trấn quy định và công bố các quyết định trước **13h00**, vào ngày thứ 6 hàng tuần, hoặc khi dịch có diễn biến mới, phức tạp hơn.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố quy định và công bố các quyết định cấp huyện trước **15h00**, vào ngày thứ 6 hàng tuần, hoặc khi dịch có diễn biến mới, phức tạp hơn.

- Sở Y tế sau khi báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh, quy định và công bố các quyết định quy mô toàn tỉnh và tăng cường công bố tại huyện, thị xã, thành phố; tại xã, phường, thị trấn trước **17h00**, vào ngày thứ 6 hàng tuần, hoặc khi dịch có diễn biến mới, phức tạp hơn; ngay khi báo cáo Bộ Y tế cập nhật trên cổng thông tin internet Bộ Y tế.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chỉ trì phối với Sở Y tế chỉ đạo, hướng dẫn, cung cấp tài khoản cho các địa phương thực hiện công bố và cập nhật mới các quyết định trên cổng thông tin phòng, chống COVID-19 tỉnh Thanh Hóa; cổng thông tin internet UBND tỉnh, trang thông tin internet Sở Y tế.

- Trong trường hợp nâng cấp độ dịch:

- + Thông báo trước 48 giờ khi áp dụng phạm vi toàn tỉnh.
- + Thông báo trước 24 giờ khi áp dụng phạm vi cấp huyện.
- + Thông báo trước 12 giờ áp dụng phạm vi cấp xã và điểm cấp xã.
- + Trưởng ban chấp hành ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định theo thẩm quyền.

IV. CÁC BIỆN PHÁP ÁP DỤNG THEO CẤP ĐỘ DỊCH

1. Đối với tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|--|------------------------|--|--|---|
| 1. Hoạt động tập trung trong nhà, ngoài trời cấm bỏ các biện pháp phòng, chống dịch (<i>không áp dụng đối với lực lượng vũ trang</i>) | Không hạn chế số người | Hạn chế, có lưu ký | Không thực hiện/ Hạn chế, có lưu ký | Không thực hiện/ Hạn chế, có lưu ký |
| 1.1. Hoạt động trong nhà (hội họp, tập huấn, hội thảo,...) * 100% người tham gia phải tiêm liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 hoặc có xét nghiệm SARS-CoV-2 âm tính còn hiệu lực theo quy định. | Không hạn chế số người | Không quá 50 người hoặc người tham gia phải đeo khẩu trang* | Không quá 30 người hoặc người tham gia phải đeo khẩu trang* | Không thực hiện/ Không thực hiện không quá 10 người và phải đeo khẩu trang* |
| | | mục 1.1 | mục 1.1 | mục 1.1 |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|--|---------------------|--|--|--|
| <p>1.2 Hoạt động ngoài trời</p> <p>* 100% người tham gia đã tiêm liều vắc xin hoc đã khi bị nh COVID-19 hoc có xét nghi m SARS-CoV-2 âm tính còn hi u l c theo quy nh.</p> | Không h n ch s ng i | Không quá 100 ng i | Không quá 50 ng i | Không t ch c/N u t ch c không quá 10 ng i và ph i m b o* m c 1.2 |
| <p>1.3. Tổ chức đám cưới, đám tang</p> <p>* ch u s giám sát c a chính quy n c p xã.</p> | Không h n ch s ng i | Không quá 40 ng i và ng i tham gia ph i m b o* m c 1.3 | Không quá 30 ng i và ng i tham gia ph i m b o* m c 1.3 | Không quá 20 ng i và ng i tham gia ph i m b o* m c 1.3 |
| <p>2. Vận tải hành khách công cộng đường bộ (bao gồm cả vận tải hành khách trong địa bàn xã/phường/thị trấn; huyện/thị xã/thành phố; liên huyện và liên tỉnh), đường thủy nội địa, hàng hải đảm bảo phòng, chống dịch COVID-19 (đối với đường hàng không và đường sắt áp dụng theo văn bản quy định riêng).</p> <p>* Ng i i u khi n, ng i ph c v trên ph ng tí n c xét nghi m nh k 01 l n/tu n và c tiêm ít nh t 01 li u v c xin phòng Covid-19; không quá 80% s gh ng i/l t;</p> <p>** Ng i i u khi n, ng i ph c v trên ph ng tí n c xét nghi m nh k 02 l n/tu n và c tiêm li u v c xin phòng Covid-19; không quá 50% s gh ng i/l t;</p> <p>i v i hành khách khi n/v Thanh Hóa và các n i dung khác: m b o i u kí n theo quy nh B Giao thông v n t i và h ng d n c a S Giao thông v n t i.</p> | Ho t ng | Ho t ng ph i m b o* m c 2 | Không ho t ng/N u ho t ng ph i m b o** m c 2 | Không ho t ng |
| <p>3. Lưu thông, vận chuyển hàng hóa trong phạm vi xã/phường/thị trấn; huyện/thị xã/thành phố; liên huyện và liên tỉnh (th c hi n theo quy nh c a B Giao</p> | Ho t ng | Ho t ng | Ho t ng | Ho t ng ph i m b o* m c 3 |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| thông v n t i v phòng, ch ng d ch COVID-19 và h ng d n c a S Giao thông V n t i). * i v i Người vận chuyển hàng bằng xe máy s d ng công ngh có ng ky (bao gồm nhân viên của doanh nghiệp bưu chính): Trong tr ng h p c n thi t UBND c p huy n có th quy nh v s l ng tham gia l u thông trong cùng m t th i i m. | | | | |
| 4. Sản xuất, kinh doanh, dịch vụ | | | | |
| 4.1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp, khu/cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế | Ho t ng ph i m b o i u ki n | Ho t ng ph i m b o i u ki n | Ho t ng ph i m b o i u ki n | Ho t ng ph i m b o i u ki n |
| (1) m b o phòng, ch ng d ch COVID-19. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| (2) nh k ánh giá nguy c lây nhiễm COVID-19 t i c s s n xu t kinh doanh. | Áp d ng (01 tu n/l n) | Áp d ng (01 tu n/l n) | Áp d ng (02 l n/tu n) | Áp d ng (02 l n/tu n) |
| (3) Có k ho ch phòng, ch ng d ch và ph ng án x lý khi có tr ng h p m c b nh COVID-19, báo cáo UBND c p huy n phê duy t. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| (4) ánh giá nguy c lây nhiễm và ánh giá m c an toàn lên B n chung s ng an toàn v i COVID-19 t i n i làm vi c và ky túc xá cho ng i lao ng. | Áp d ng (01 tu n/l n) | Áp d ng (01 tu n/l n) | Áp d ng (02 l n/tu n) | Áp d ng (02 l n/tu n) |
| (5) T ch c ph ng án “ba t i ch ” và “m t cung ng hai i m n”. | | | Áp d ng | Áp d ng |
| (6) T t ch c xét nghi m SARS-CoV-2 | | | | |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|--|--|--|--|--|
| cho người lao động ¹ . | | | | |
| (i) Khi có biểu hiện nghi ngờ mắc COVID-19 như ho, sốt, khó thở...hoặc có yếu tố dịch tễ. | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng |
| (ii) Xét nghiệm ngẫu nhiên định kỳ ² hằng tuần cho người lao động có nguy cơ cao tại cơ sở sản xuất kinh doanh (Người phải tiếp xúc nhiều, lễ tân, bảo vệ, vệ sinh, lái xe, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, cung cấp thực phẩm, suất ăn, nguyên vật liệu...): Đối với những người đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 thì thời gian xét nghiệm định kỳ là 02 tuần/lần. Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh đã có $\geq 80\%$ người lao động đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 thì giảm 1/2 tỷ lệ phải xét nghiệm ngẫu nhiên theo cấp độ dịch. | Áp dụng ($\geq 20\%$ người lao động có nguy cơ cao) | Áp dụng ($\geq 50\%$ người lao động có nguy cơ cao) | Áp dụng ($\geq 50\%$ người lao động có nguy cơ cao) | Áp dụng (100% người lao động có nguy cơ cao) |
| (7) Có cán bộ/ bộ phận y tế trực sản xuất kinh doanh theo quy định, thực hiện công tác phòng, chống dịch và khám chữa bệnh thông thường khác theo quy định. Cán bộ/ bộ phận y tế trực sản xuất kinh doanh xác nhận kết quả xét nghiệm kháng nguyên nhanh, báo cáo và phối hợp y tế địa phương xử trí khi có trường hợp mắc t.i.n.i làm việc. (Đối với các cơ sở sản xuất không bố trí được người làm công tác y tế hoặc không thành lập được bộ phận y tế thì phải ký hợp đồng với cơ sở khám, chữa bệnh đủ năng lực để cung cấp đủ số lượng người làm | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng |

¹ Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng test nhanh kháng nguyên hoặc xét nghiệm RT-PCR và báo cáo cho Trung tâm y tế cấp huyện trên địa bàn (sau khi kết thúc ngày xét nghiệm và ngay sau khi có trường hợp dương tính với SARS-CoV-2). Nếu tất cả các xét nghiệm bằng test nhanh kháng nguyên (đã được cấp số đăng ký lưu hành hoặc cấp giấy phép nhập khẩu của Bộ Y tế) thì phải chuyển ngay đến Trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh hoặc Trung tâm y tế cấp huyện trên địa bàn. Các sản xuất, kinh doanh thuộc trách nhiệm vụ chức năng test nhanh kháng nguyên, quy trình và xác nhận kết quả xét nghiệm. Trung tâm y tế cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện và tiến hành xử lý ngay ứng quy định khi nhận được báo cáo kết quả có trường hợp dương tính với SARS-CoV-2.

² Thời gian xét nghiệm mẫu 3-5 ngày với xét nghiệm kháng nguyên nhanh; mẫu 10-15 ngày với xét nghiệm RT-PCR.

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|
| <i>công tác y tế, có mặt kịp thời tại cơ sở khi xảy ra trường hợp khẩn cấp theo quy định tại Khoản 5, Điều 37, Nghị định số 39/2016/NĐ-CP, ngày 15/5/2016).</i> | | | | |
| 4.2. Hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp, diêm nghiệp * m b o phòng, ch ng d ch COVID-19 theo quy nh. | Ho t ng ph i m b o* m c 4.2 | Ho t ng ph i m b o* m c 4.2 | Ho t ng ph i m b o* m c 4.2 | Ho t ng ph i m b o* m c 4.2 |
| 4.3. Cơ sở sản xuất, đơn vị thi công dự án, công trình giao thông, xây dựng * Có k ho ch và ch u trách nhi m trì n khai các bi n pháp m b o phòng, ch ng d ch COVID-19. | Ho t ng ph i m b o* m c 4.3 | Ho t ng ph i m b o* m c 4.3 | Ho t ng ph i m b o* m c 4.3 | Ho t ng ph i m b o* m c 4.3 |
| 4.4. Cơ sở kinh doanh dịch vụ³ trừ các cơ sở tại điểm (5), (6) | Ho t ng ph i m b o i u ki n | Ho t ng ph i m b o i u ki n | Ho t ng ph i m b o i u ki n | Ho t ng ph i m b o i u ki n |
| (1) m b o phòng, ch ng d ch COVID-19. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| (2) Có k ho ch phòng, ch ng d ch và ph ng án x lý khi có tr ng h p m c b nh COVID- 19, báo cáo UBND c p xã theo dõi qu n lý. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| (3) T t ch c xét nghi m SARS-CoV-2 cho ng i lao ng ⁵ | | | | |
| (i) Khi có biểu hiện nghi ngờ mắc COVID-19 như ho, sốt, khó thở...hoặc có yếu tố dịch tễ. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| (ii) Xét nghiệm ngẫu nhiên định kỳ hàng tuần cho người lao động có nguy cơ cao tại cơ sở kinh doanh dịch vụ (Người phải | Áp d ng (≥5%) | Áp d ng (≥10%) | Áp d ng (≥15%) | Áp d ng (≥20%) |

³ G m cung c p l ng th c, th c ph m; d c ph m; x ng, d u; i n; n c; nhiên li u, b o trì, b o d ng, s a ch a; thu gom, v n chuy n, x lý ch t th i; t ch c tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài, kho b c, các c s kinh doanh d ch v tr c ti p liên quan n ho t ng tín d ng, chi nhánh ngân hàng n c ngoài và b tr doanh nghi p (như công chứng, luật sư, đăng kiểm, đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, bán đấu giá tài sản); d ch v công ích, d ch v ti n ích công (c p thoát n c, công viên, cây xanh, h t ng k thu t); ch ng khoán, b o hi m (chỉ thực hiện các hoạt động liên quan đến giám định, lập hồ sơ, giải quyết quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng); b u chính, viên thông, báo chí, thi t b tin h c, v n phòng, d ng c h c t p; h tr s n xu t nông nghi p, c s thú y; kho d tr , i m t p k t, trung chuy n hàng hóa, d ch v h tr v n chuy n, xu t, nh p kh u hàng hóa, tang lễ và các c s khác do a ph ng quy t nh.

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|--|---|---|--|---|
| <p>tiếp xúc nhiều, lễ tân, bảo vệ, vệ sinh, lái xe, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì, cung cấp thực phẩm, suất ăn, nguyên vật liệu...):</p> <p>(Đối với những người đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 thì thời gian xét nghiệm định kỳ là 02 tuần/lần. Nếu cơ sở kinh doanh dịch vụ đã có $\geq 80\%$ người lao động đã tiêm đủ liều vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 thì giảm 1/2 tỷ lệ phải xét nghiệm ngẫu nhiên theo cấp độ dịch).</p> | <p>người lao động có nguy cơ cao)</p> | <p>người lao động có nguy cơ cao)</p> | <p>người lao động có nguy cơ cao)</p> | <p>người lao động có nguy cơ cao)</p> |
| <p>4.5. Trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện ích, chợ đầu mối; nhà hàng/quán ăn; chợ truyền thống</p> | | | | |
| <p>(1) Trung tâm thương mại</p> <p>* Có kế hoạch phòng, chống dịch và phông án xử lý khi có trường hợp mắc bệnh COVID-19, báo cáo UBND cấp huyện phê duyệt;</p> <p>** Người lao động và khách hàng tiêm lịch vắc xin hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 hoặc có xét nghiệm Âm tính virus SARS-CoV-2 trong vòng 72 giờ;</p> <p>*** Giảm 50% số lượng người bán, người mua cùng một thời điểm.</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o * m c (1)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o * m c (1)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o* và ** m c (1)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o*, ** và *** m c (1)</p> |
| <p>(2) Siêu thị, cửa hàng tiện lợi (tạp hóa)</p> <p>* Có kế hoạch phòng, chống dịch và phông án xử lý khi có trường hợp mắc bệnh COVID-19, báo cáo UBND cấp xã phê duyệt;</p> <p>** 100% người lao động nguyên phi tiêm vắc xin lịch hoặc đã khỏi bệnh Covid-19 và có xét nghiệm Âm tính virus SARS-CoV-2 còn hiệu lực.</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o * m c (2)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o * m c (2)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o* và ** m c (2)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o* và ** m c (2)</p> |
| <p>(3) Nhà hàng, quán ăn</p> <p>* Có kế hoạch phòng, chống dịch và phông án xử lý khi có trường hợp mắc bệnh COVID-19, báo cáo UBND cấp xã phê duyệt;</p> <p>** 100% người lao động nguyên phi tiêm</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o * m c (3)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o * m c (3)</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o*, ** và *** m c (3);</p> | <p>Hộ gia đình nguyên phi m b o*, ** và **** m c (3);</p> |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|--|---|--|--|--|
| <p>v c-xin li u ho c ã kh i b nh Covid-19 và có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 còn hi u l c;</p> <p>*** m b o kho ng cách t i thi u 02m gi a các bàn n và không quá 30 ng i/phòng/th i i m;</p> <p>**** ch bán mang v , mang i tr nhà hàng thu c c s l u trú ph c v khách ang l u trú.</p> | | | | |
| <p>(4) Ch u m i, ch truy n th ng, c ng cá, n i t p k t hàng hóa</p> <p>* m b o quy nh v phòng ch ng d ch COVID-19 c a B Y t ;</p> <p>** 100% ng i lao ng ph i c tiêm v c-xin li u ho c ã kh i b nh Covid-19 và có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 trong vòng 72 gi ;</p> <p>*** gi m 50% s l ng ng i mua, ng i bán và 100% khách hàng và ng i lao ng ph i có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 trong vòng 72 gi .</p> | <p>Ho t ng ph i m b o * m c (4)</p> | <p>Ho t ng ph i m b o * m c (4)</p> | <p>Ho t ng ph i m b o * và ** m c (4)</p> | <p>Ho t ng ph i m b o *, ** và *** m c (4)</p> |
| <p>4.6. Cơ sở kinh doanh các dịch vụ có nguy cơ lây nhiễm cao khác nh làm tóc (bao gồm cắt tóc), làm p, mát xa, v tr ng, karaoke, quán bar, internet, trò ch i i n t ho c các c s khác do UBND t nh quy t nh tùy theo tình hình diên bi n c a d ch và m b o phòng, ch ng d ch theo h ng d n c a chính quy n a ph ng.</p> <p>* m b o quy nh v phòng ch ng d ch COVID-19;</p> <p>** 100% ng i lao ng ph i c tiêm v c-xin li u ho c ã kh i b nh Covid-19 và có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 còn hi u l c.</p> | <p>Ho t ng ph i m b o * và ** m c 4.6</p> | <p>Ng ng ho t ng (trừ dịch vụ cắt tóc hoạt động không quá 5 khách hàng trong cùng một thời điểm và phải đảm bảo * và ** ở mục 4.6)</p> | <p>Ng ng ho t ng (trừ dịch vụ cắt tóc hoạt động không quá 5 khách hàng trong cùng một thời điểm và phải đảm bảo * và ** ở mục 4.6)</p> | <p>Ng ng ho t ng</p> |
| <p>4.7. Hoạt động bán hàng rong, vé số,.... không có địa điểm cố định</p> <p>* Ng i bán hàng, vé s ... ph i có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 còn hi u l c;</p> | <p>Ho t ng</p> | <p>Ho t ng ph i m b o * m c 4.7</p> | <p>Ho t ng ph i m b o *, ** và ***</p> | <p>Ng ng ho t ng</p> |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|----------------------------|----------------------------|--------------------------------------|--|
| <p>** Ng i bán hàng, vé s ... c tiêm li u v c xin ho c ã kh i b nh COVID-19 và có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 còn hi u l c;</p> <p>*** Ph i ng ky ph m vi, khu v c ho t ng, cam k t v i chính quy n a ph ng.</p> | | | m c 4.7 | |
| <p>5. Hoạt động giáo dục, đào tạo trực tiếp</p> <p>* m b o phòng, ch ng d ch COVID-19 theo h ng d n c a các B , các S : Giáo d c và ào t o, Lao ng- TB và XH, Y t ;</p> <p>** Th i gian, s l ng h c sinh, ng ng m t s ho t ng theo h ng d n c a các B , các S : Giáo d c và ào t o, Lao ng - TB và XH và quy nh c th c a a ph ng. K t h p v i d y, h c tr c tuy n và qua truy n hình. Riêng các huy n mi n núi, k t h p d y h c tr c tuy n và hình th c giao bài cho h c sinh.</p> | Ho t ng ph i m b o * m c 5 | Ho t ng ph i m b o * m c 5 | Ho t ng m b o ** m c 5 | Ng ng ho t ng/N u ho t ng m b o ** m c 5 |
| <p>6. Hoạt động cơ quan, công sở: Có k ho ch và ch u trách nhi m tri n khai các bi n pháp m b o phòng, ch ng d ch COVID-19.</p> <p>* Gi m s l ng ng i làm vi c, t ng c ng làm vi c tr c tuy n.</p> | Ho t ng | Ho t ng | Ho t ng m b o * m c 6 | Ho t ng m b o * m c 6 |
| (6.1) m b o phòng, ch ng d ch COVID-19. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| Gi m s ng i làm vi c t i c quan, công s ; t ng c ng làm vi c tr c tuy n (tr tr ng h p 80% s ng i làm vi c ã c tiêm li u v c xin ho c ch a kh i b nh COVID-19 ²). | Không áp d ng | Không áp d ng | Áp d ng (giảm 30% số người làm việc) | Áp d ng (Giảm 50% số người làm việc) |
| (6.2) Có k ho ch phòng, ch ng d ch COVID-19 và ph ng án x trí khi có tr ng h p m c. | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |
| (6.3) T t ch c xét nghi m SARS-CoV-2 cho ng i lao ng. | | | | |
| (i) Khi có bi u hi n nghi ng m c COVID-19 nh ho, s t, khó th ...ho c có | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng | Áp d ng |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|--|--|--|---------------|
| ý u t đ ch t e. | | | | |
| (ii) Xét nghi m ng u nhiên nh k cho ng i lao ng có nguy c cao t i c quan, công s (Ng i ph i ti p xúc nhi u, lê tân, b o v , v sinh, lái xe, s a ch a, b o đ ng, b o trì, cung c p th c ph m, su t n, nguyên v t li u...): Theo h ng đ n c a ngành y t . | Không áp đ ng | Áp đ ng | Áp đ ng | Áp đ ng |
| 7. Hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, thờ tự * Có k ho ch và ch u trách nhi m tri n khai các bi n pháp m b o phòng, ch ng đ ch COVID-19 theo h ng đ n c a B N i v ; ** 100% ng i tham gia ã tiêm li u v c xin ho c ng i ã kh i b nh COVID-19 ho c có k t qu xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 còn hi u l c ³ . | Ho t ng không quá 40 ng i hoặc ng i tham gia ph i m b o * m c 7 | Ho t ng không quá 30 ng i hoặc ng i tham gia ph i m b o * m c 7 | Ho t ng không quá 20 ng i hoặc ng i tham gia ph i m b o * và ** m c 7 | Ng ng ho t ng |
| 8. Hoạt động nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà nghỉ, tham quan du lịch; biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao | | | | |
| 8.1. Cơ sở, địa điểm nghỉ dưỡng, khách sạn, nhà nghỉ * Có k ho ch và ch u trách nhi m tri n khai các bi n pháp m b o phòng, ch ng đ ch COVID-19 theo h ng đ n c a B V n hóa, Th thao và Du l ch và S V n hóa, Th thao và Du l ch; ** Khách và ng i ph c v ph i c tiêm ít nh t 01 li u v c xin phòng Covid-19. | Ho t ng ph i m b o * m c 8.1 | Ho t ng ph i m b o * m c 8.1 | Ho t ng h n ch <50% công su t và ph i m b o * và ** m c 8.1 | Ng ng ho t |
| 8.2. Điểm tham quan du lịch * Có k ho ch và ch u trách nhi m tri n khai các bi n pháp m b o phòng, ch ng đ ch COVID-19 theo h ng đ n c a B V n hóa, Th thao và Du l ch; ** Khách và ng i ph c v ph i c tiêm ít nh t 01 li u v c xin phòng Covid-19 và ph i có xét nghi m Âm tính v i SARS-CoV-2 trong vòng 72 gi . | Ho t ng ph i m b o * m c 8.2 | Ho t ng ph i m b o * m c 8.2 | Ho t ng <30% công su t và ph i m b o * và ** m c 8.2 | Ng ng ho t ng |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|---|--|---|------------------------|
| <p>8.3. Hoạt động bảo tàng, triển lãm, thư viện, rạp chiếu phim, cơ sở, địa điểm biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao,...</p> <p>* Các cơ sở có kế hoạch và chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (bao gồm việc tự tổ chức xét nghiệm cho nhân viên, người lao động, điều kiện đối với người thăm quan, khán thính giả và phương án xử lý khi có ca mắc mới);</p> <p>** Khách và người phục vụ phải đeo khẩu trang ít nhất 01 lượt về xin phòng Covid-19 và phải có xét nghiệm Âm tính virus SARS-CoV-2 trong vòng 72 giờ.</p> | <p>Hoạt động phải đảm bảo*</p> <p>mức 8.3</p> | <p>Hoạt động</p> <p><40%</p> <p>số chỗ, không quá 140 người và phải đảm bảo*</p> <p>mức 8.3</p> | <p>Hoạt động <20%</p> <p>số chỗ và không quá 70 người và phải đảm bảo* và**</p> <p>mức 8.3</p> | <p>Ngừng hoạt động</p> |
| 9. Ứng dụng công nghệ thông tin | | | | |
| 9.1. Cập nhật thông tin về tiêm chủng vaccine xin, kết quả xét nghiệm COVID-19, kết quả xét nghiệm COVID-19. | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng |
| 9.2. Quản lý thông tin người vào/ra địa điểm công cộng, số đăng ký tin giao thông công cộng, các địa điểm sản xuất, kinh doanh, sử dụng ứng dụng mã QR. | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng |

2. Các biện pháp áp dụng đối với cá nhân

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|---------------|---------------|--|---------------------------------------|
| 1. Tuân thủ 5K | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng |
| <p>2. Ứng dụng công nghệ thông tin</p> <p>Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định khai báo y tế, ứng dụng tiêm chủng vaccine xin, khám chữa bệnh (nếu có) thông minh). Sử dụng mã QR theo quy định của chính quyền và cơ quan y tế.</p> | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng | Áp dụng |
| <p>3. Đi lại của người dân đến từ các địa bàn có cấp độ dịch khác nhau (bao gồm cả người từ tỉnh khác đến/về Thanh Hóa)</p> <p>* Tuân thủ quy định về tiêm chủng, xét</p> | Không hạn chế | Không hạn chế | Không hạn chế, hoạt động phải đảm bảo* | Hoạt động phải đảm bảo** <p>mức 3</p> |

| Biện pháp | Cấp 1 | Cấp 2 | Cấp 3 | Cấp 4 |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <p>nghi m theo h ãng d ãn c a ngành Y t ;</p> <p>** Tuân th ã các i u ki n v tiêm ch ãng, xét nghi m, cách ly theo h ãng d ãn c a ngành Y t . Tr ãng h p B Y t h ãng d ãn cách ly t i ãnh nh ãng không m b o quy ãnh cách ly ho c c cá nh ãn ng i thu c ãi ãn cách ly ãng y thì có th t ch c cách ly t p trung thay vì cách ly t i ãnh.</p> | | | m c 3 | |
| 4. Điều trị tại nhà đối với người nhiễm COVID-19. | Không áp d ãng | Không áp d ãng | Không áp d ãng | Không áp d ãng |

V. CÁC BIỆN PHÁP VỀ CHUYÊN MÔN

1. Chuẩn bị ứng phó với dịch COVID-19

a) Trách nhiệm của Sở Y tế

- Tham m u cho UBND t ãnh i u ch ãnh, b ã sung các n i dung c a Quy ãnh này khi có ch ão m i c a Trung ãng và tình hình d ch COVID-19 th c t ã trên ã bàn t ãnh.

- Ch ã trì, ph i h p v i các c ã quan ch c ãn ãng xây d ãng k ch b ãn, ph ãng án m b o công tác y t ãp ãng yêu c u phòng, ch ãng d ch theo t ãng c p d ch trên ph ãm vi toàn t ãnh, trình UBND t ãnh phê duy t, ban hành.

- Xây d ãng ph ãng án i u ãng l c l ãng cán b y t h tr i u tr, l y m u xét nghi m, tiêm v c xin... ãp ãng yêu c u theo t ãng c p d ch.

- T ch c t p hu ãn cho l c l ãng cán b y t tham gia i u tr, l y m u xét nghi m, tiêm v c xin.

- Ch ã trì, ph i h p v i S Tài chính và các c ã quan liên quan xây d ãng ph ãng án mua s m trang thi t b, v t t y t ph c v công tác phòng ch ãng d ch, m b o kh ãn ãng cung ãng, k p th i, phù h p v i ãi ãn bi ãn tình hình d ch trên ã bàn t ãnh.

- Xây d ãng ph ãng án trang b ph ãng ti ãn, trang thi t b, v t t y t và các i u ki n c ãn thi t cho các B ãnh vi ãn COVID-19 s 1, s 2, s 3 c a t ãnh ãp ãng công tác phòng, ch ãng d ch.

b) UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Ch ã ãng v ãng ãn l c và ch ão mua s m ãp ãng Oxy y t cho các Tr m Y t ã xã, ph ãng, th tr ãn, m b o t i thi u 20 bình Oxy y t lo i t 10 lít tr ã lên/Tr m y t .

- Ph i h p v i S Y t ch o BV K các huy n, th xã, thành ph , khu v c xây d ng ph ng án b trí gi ng b nh ti p nh n và i u tr b nh nhân COVID-19 trong tình hu ng c n thi t.

- UBND các huy n, th xã, thành ph ph i t ch c công tác cách ly y t và xây d ng các khu cách ly t p trung c a a ph ng. T ch c l c l ng i u tra, truy v t, l y m u, xét nghi m khi có tr ng h p F0 x y ra trên a bàn.

- Xây d ng k ho ch và t ch c th c hi n công tác tiêm v c xin phòng COVID-19 trên a bàn theo ti n , yêu c u ra.

- UBND c p huy n, c p xã, ch o và t ch c th c hi n vi c ti p t c c ng c , t ng c ng hi u qu ho t ng c a h th ng chính tr , l c l ng công an, nh t là t COVID-19 c ng ng t i các khu dân c . y m nh vi c tuyên truy n, v n ng và th c hi n cam k t v i các h gia ình trong vi c khai báo y t , giám sát d ch tê ng i n t các a ph ng khác.

2. Về Xét nghiệm

- Vi c xét nghi m c th c hi n theo a bàn nguy c và nhóm nguy c .

+ Xét nghi m các tr ng h p có m t trong các bi u hi n tri u ch ng s t, ho, m t m i, au h ng, m t v giác và kh u giác, khó th ...

+ Xét nghi m t m soát ng u nhiên, nh k do c quan y t th c hi n t i các khu v c có nguy c cao, t p trung ông ng i nh c s khám b nh, ch a b nh, ch u m i, b n xe, siêu th ...; i v i các nhóm nguy c (các tr ng h p di chuy n nhi u n i, ti p xúc nhi u ng i...) nh lái xe, ng i ch y xe mô tô ch khách (xe ôm), ng i giao hàng hóa (shipper)...

+ T i c s s n xu t kinh doanh, c s kinh doanh d ch v , trung tâm th ng m i, siêu th , c quan, công s : t t ch c xét nghi m SARS-CoV-2 ng u nhiên cho ng i có nguy c lây nhiễm COVID-19 cao.

- Không ch nh xét nghi m i v i vi c i l i c a ng i dân; ch th c hi n xét nghi m i v i tr ng h p n t a bàn có d ch c p 4 ho c vùng cách ly y t (phong t a) và các tr ng h p nghi ng ho c có ch nh i u tra d ch tê khi n t a bàn có d ch c p 3.

- i v i ng i ã tiêm li u v c xin và ng i ã kh i b nh, ch xét nghi m trong các tr ng h p: (1) khi có yêu c u i u tra d ch tê; (2) khi ph i cách ly y t ho c theo dõi y t ; (3) n t a bàn có d ch c p 4 ho c vùng cách ly y t (phong t a).

- Vi c th c hi n xét nghi m x ly d ch: tùy thu c vào các y u t nguy c , tình hình d ch b nh và m c c a d ch, UBND các c p xem xét quy t nh i t ng, a bàn xét nghi m cho phù h p.

- Thực hiện xét nghiệm theo phương pháp gộp mẫu hoặc Test nhanh trong trường hợp xét nghiệm tầm soát, sàng lọc, nhàn.

3. Về các biện pháp cách ly và giám sát quản lý các đối tượng nguy cơ

Yêu cầu nghiêm túc thực hiện khai báo y tế và tăng cường giám sát tiếp xúc, tổ chức các điểm nguy cơ; phát huy vai trò của tổ giám sát cộng đồng và gia đình, tuyên truyền, vận động người dân vùng có dịch cấp 3, cấp 4 hạn chế đi các vùng khác, trường hợp thiết yếu thì phải thông báo trước cho địa phương nơi đến từ 12 đến 72 giờ để chuẩn bị các biện pháp cách ly, phòng chống dịch; đồng thời áp dụng thực hiện việc cách ly các điểm nguy cơ theo hướng dẫn của Bộ Y tế, như sau:

3.1. Đối với người đến từ địa bàn có dịch ở cấp độ 1

Thực hiện khai báo y tế và luôn tuân thủ nghiêm túc thông điệp 5K; nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác thì báo cáo quản lý theo dõi và xử trí theo quy định.

3.2. Đối với người đến từ địa bàn có dịch ở cấp độ 2 và người tiếp xúc gần với đối tượng F2 (F3)

Tự theo dõi sức khỏe 07 ngày kể từ ngày vào phòng (hoặc ngày tiếp xúc, nếu là điểm F3) và luôn thực hiện thông điệp 5K; nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác thì báo cáo quản lý theo dõi và xử trí theo quy định; đồng thời chủ động rà soát tỉ mỉ tiếp xúc của mình khai báo y tế và bổ sung thực hiện các biện pháp tiếp xúc.

3.3. Đối với người đến từ địa bàn có dịch ở cấp độ 3 và người tiếp xúc gần với đối tượng F1 (F2)

- Người dân đã tiêm đủ liều vắc xin phòng COVID-19 (thể xanh trên Sổ S khỏe) nên tổ chức giám sát người dân tiêm đủ liều vắc xin của các quan có thẩm quyền cấp) hoặc đã khỏi bệnh COVID-19 trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm vào phòng (có giấy ra viện/giấy xác nhận khỏi bệnh COVID-19): **Tự cách ly tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày**; kể từ ngày vào phòng và luôn thực hiện thông điệp 5K; nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác thì báo cáo quản lý theo dõi và xử trí theo quy định.

- Người dân tiêm chừa liều vắc xin phòng COVID-19 (thể vàng trên Sổ S khỏe) nên tổ chức giám sát người dân tiêm chừa vắc xin của các quan có thẩm quyền cấp): **Tự cách ly tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày; thực hiện xét nghiệm vào ngày đầu** kể từ ngày vào phòng; thực hiện thông điệp 5K; nếu có dấu hiệu bất thường về sức khỏe như ho, sốt, khó thở, đau rát họng, mất vị giác thì báo cáo quản lý theo dõi và xử trí theo quy định.

- Nh ng ng i ch a tiêm v c xin phòng COVID-19 và các i t ng F2: **Cách ly tại nhà 14 ngày; thực hiện xét nghiệm vào ngày đầu** ti p t c t theo dõi s c kh e thêm 14 ngày ti p theo k t ngày v a ph ng (ho c ngày ti p xúc, n u là i t ng F2); luôn th c hi n thông i p 5K; n u có d u hi u b t th ng v s c kh e nh ho, s t, khó th , au rát h ng, m t v giác thì báo cho c quan y t theo dõi và x trí theo quy nh.

- i v i các tr ng h p trên, c quan y t a ph ng u tiên ch nh xét nghi m SARS-CoV-2 sàng l c i t ng nguy c .

3.4. Đối với người đến từ địa bàn có dịch (địa bàn có dịch ở cấp độ 4 hoặc vùng cách ly y tế), người tiếp xúc gần (F1)

- Nh ng ng i ã tiêm li u v c xin phòng COVID-19 (th xanh trên S S c kho i n t ho c gi y ch ng nh n tiêm li u v c xin c a c quan có th m quy n c p) ho c ã kh i b nh COVID-19 trong vòng 6 tháng tính n th i i m v a ph ng (có gi y ra vi n/gi y xác nh n kh i b nh COVID-19): Th c hi n **tự cách ly tại nhà, nơi lưu trú 07 ngày; thực hiện xét nghiệm vào ngày đầu** k t ngày v a ph ng; luôn th c hi n thông i p 5K; n u có d u hi u b t th ng v s c kh e nh ho, s t, khó th , au rát h ng, m t v giác thì báo cho c quan y t theo dõi và x trí theo quy nh.

- Nh ng ng i tiêm ch a li u v c xin phòng COVID-19 (th vàng trên S S c kho i n t ho c gi y ch ng nh n tiêm ch ng c a c quan có th m quy n c p): Th c hi n **cách ly tại nhà, nơi lưu trú 7 ngày; xét nghiệm SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7** k t ngày v a ph ng; **tiếp tục tự theo dõi sức khỏe trong 07 ngày tiếp theo** và luôn th c hi n thông i p 5K; n u có d u hi u b t th ng v s c kh e nh ho, s t, khó th , au rát h ng, m t v giác thì báo cho c quan y t theo dõi và x trí theo quy nh.

- Nh ng ng i ch a tiêm v c xin phòng COVID-19 và các i t ng F1: Th c hi n **cách ly tập trung hoặc cách ly tại nhà (nếu đủ điều kiện) 14 ngày; xét nghiệm SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 và ngày thứ 14** k t ngày v a ph ng (ho c ngày ti p xúc, n u là i t ng F1); **tiếp tục tự theo dõi sức khỏe trong 14 ngày tiếp theo** và luôn th c hi n thông i p 5K; n u có d u hi u b t th ng v s c kh e nh ho, s t, khó th , au rát h ng, m t v giác thì báo cho c quan y t theo dõi và x trí theo quy nh.

- i v i ng i cao tu i, ng i có b nh n n, ph n mang thai, ng i d i 18 tu i (tr em): Th c hi n cách ly t i nhà và có ng i ch m sóc cách ly cùng; th i gian áp d ng các bi n pháp cách ly, xét nghi m, theo dõi s c kh e t ng ng v i các nhóm i t ng thu c di n cách ly nêu trên.

- Các tr ng h p cách ly t i nhà ph i m b o th c hi n nghi m túc, y các i u ki n theo Công v n s 5599/BYT-MT ngày 14/7/2021 c a B Y t

vì vị trí cách ly, thí nghiệm cách ly y tế F1 tại nhà, quản lý lưu trú bệnh nhân COVID-19.

3.5. Đối với các trường hợp khác

a) Đối với những người tham gia các đoàn công tác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại các địa bàn có dịch

- Trường hợp công tác tại nước ngoài:

+ Những người đi tiêm chủng lưu vực xin phòng COVID-19 hoặc đã khỏi bệnh COVID-19: Tiếp tục theo dõi sức khỏe trong 07 ngày. Thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng phương pháp RT-PCR 02 lần vào ngày đầu và ngày thứ 07 kể từ ngày nhập cảnh. Luôn thực hiện thông điệp 5K, cách biệt là đeo khẩu trang, không tiếp xúc và không nhúng tay vào mắt mũi miệng.

+ Những người chưa tiêm hoặc tiêm chưa đầy đủ lưu vực xin phòng COVID-19: Thực hiện cách ly y tế tại nhà, nhập lưu trú 03 ngày kể từ ngày nhập cảnh theo quy định tại Quyết định số 879/QĐ-BYT ngày 20/3/2020 của Bộ Y tế. Tiếp tục theo dõi sức khỏe cho đến hết 14 ngày kể từ ngày nhập cảnh, luôn thực hiện thông điệp 5K, cách biệt là đeo khẩu trang, không tiếp xúc và không nhúng tay vào mắt mũi miệng. Thực hiện xét nghiệm 02 lần vào ngày đầu và ngày thứ 03 kể từ ngày cách ly y tế tại nhà, nhập lưu trú.

- Trường hợp công tác trong nước: **Tự theo dõi sức khỏe trong 07 ngày;** luôn thực hiện thông điệp 5K, cách biệt là đeo khẩu trang, không tiếp xúc và không nhúng tay vào mắt mũi miệng.

- Về việc đi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống dịch bệnh nhập cảnh thu cấp 4, cấp 3; tùy thuộc trường hợp cụ thể, Ban chấp hành phòng, chống dịch COVID-19 địa phương quy định các biện pháp phòng, chống dịch phù hợp.

b) Đối với người từ nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam, cách ly trên địa bàn tỉnh (trừ trường hợp người nhập cảnh vào làm việc dưới 14 ngày và các trường hợp nhập cảnh cách ly theo quy định khác của Ban Chỉ đạo quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 và của Bộ Y tế):

- Thực hiện cách ly y tế tập trung 07 ngày và tiếp tục theo dõi y tế tại nhà trong 07 ngày tiếp theo; thực hiện xét nghiệm SARS-CoV-2 vào ngày thứ nhất, ngày thứ 7 tính từ ngày nhập cảnh (ngày thứ nhất có thể sử dụng Test nhanh kháng nguyên hoặc bằng phương pháp RT-PCR; ngày thứ 7 bắt buộc phải sử dụng phương pháp RT-PCR mẫu) về việc nhập cảnh áp dụng các lưu ý như sau:

+ Có kế hoạch xét nghiệm âm tính với SARS-CoV-2 (bằng phương pháp RT-PCR/RT-LAMP) trong vòng 72 giờ kể từ khi xuất cảnh và các cơ quan có thẩm quyền cần xác minh thực hiện xét nghiệm cụ thể như sau.

+ Đã tiêm li u v c xin phòng COVID-19 (li u cu i cùng tiêm trong th i gian ít nh t 14 ngày và không quá 12 tháng tính n th i i m nh p c nh) và có gi y ch ng nh n tiêm ch ng; Ho c ã t ng b nhiễm SARS-CoV-2 (có gi y ch ng nh n xét nghi m đ ng tính v i SAR-COV-2 b ng ph ng pháp RT-PCR m u n không quá 6 tháng tính n th i i m nh p c nh) và có gi y xác nh n kh i b nh COVID-19 ho c các gi y t t ng ng xác nh n ã kh i b nh do c quan có th m quy n t i n c i u tr c p.

- Nh ng ng i t n c ngoài nh p c nh vào Vi t Nam, cách ly trên à bàn t nh, n u không áp ng c yêu c u nêu trên thì th c hi n **cách ly tập trung 14 ngày, tiếp tục theo dõi y tế tại nhà trong 14 ngày tiếp theo**; l y m u và làm xét nghi m 03 l n b ng ph ng pháp RT-PCR l n vào ngày th nh t, ngày th 7 và ngày th 14 sau khi nh p c nh.

c) Những đối tượng khác và khi có sự thay đổi thì thực hiện theo hướng dẫn mới nhất của Bộ Y tế. Các trường hợp đặc biệt Bộ Y tế chưa có quy định, giao Sở Y tế căn cứ các yêu cầu chuyên môn, xem xét quyết định trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ các yếu tố nguy cơ. Đối với các trường hợp Bộ Y tế hướng dẫn cách ly tại nhà nhưng không đảm bảo quy định cách ly hoặc được cá nhân người thuộc diện cách ly đồng ý thì có thể tổ chức cách ly tập trung thay vì cách ly tại nhà.

4. Về tiêm chủng vắc xin phòng COVID-19

- Ti p t c y nhanh t c tiêm v c xin phòng COVID-19 theo K ho ch s 183/KH-UBND ngày 11/8/2021 c a UBND t nh Thanh Hóa; u tiên tiêm cho ng i t 50 tu i tr lên, ng i có b nh n n, ph n có thai, ng i lao ng làm vi c t i các khu, c m công nghi p.

- Xây d ng l trình m r ng i t ng tiêm ch ng cho tr em theo h ng đ n c a B Y t .

5. Về Điều trị F0

Th c hi n theo Quy t nh s 4689/Q -BYT ngày 06/10/2021 c a B Y t v vi c ban hành H ng đ n ch n oán và i u tr COVID-19, các quy nh, h ng đ n c a Trung ng, c a B Y t và Quy t nh s 3414/Q -UBND ngày 01/9/2021 c a UBND t nh Thanh Hóa v vi c phê duy t ph ng án i u tr COVID-19 trên à bàn t nh Thanh Hóa.

6. Hướng dẫn, quản lý, hỗ trợ người từ vùng dịch về cư trú/lưu trú trên địa bàn tỉnh

Các Ch t ki m soát liên ngành phòng, ch ng d ch COVID-19 Khe n c l nh, th xã Nghi S n; xã Xuân Bình, huy n Nh Xuân; xã Th ch Lâm, huy n Th ch Thành; D c Xây, th xã B m S n; Ga Thanh Hóa; Ga B m S n; Ga Minh

Khô; C ng Hàng không Th Xuân và các ch t ki m soát khác do t nh thành l p th c hi n các nhi m v c giao theo quy t nh c a Ch t ch UBND t nh.

7. Về các chi phí trong cách ly y tế, khám chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19

Th c hi n theo Ngh quy t 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 c a Chính ph v chi phí cách ly y t , khám, ch a b nh và m t s ch c thù trong phòng ch ng d ch COVID-19; các quy nh hi n hành c a Chính ph , B Y t .

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh

Theo ch c n ng, nhi m v c phân công, ch o, h ng d n tri n khai th c hi n t t các quy nh nêu trên; t ng c ng công tác qu n lý, giám sát, ki m tra, ôn c vi c t ch c th c hi n t i các c quan, n v , a ph ng, doanh nghi p t i p t c t ch c th c hi n ng b , quy t li t, có hi u qu các bi n pháp phòng, ch ng d ch COVID-19 trên a bàn t nh. Ch ng tham m u, xu t, i u ch nh các bi n pháp phòng, ch ng d ch COVID-19 kh thi, phù h p v i tình hình th c ti n c a t nh và quan i m ch o c a Chính ph , Th t ng Chính ph , Ban ch o Qu c gia phòng, ch ng d ch COVID-19.

2. Sở Y tế

Ch trì, ph i h p v i UBND các huy n, th xã, thành ph và các s , ban, ngành, c quan liên quan tri n khai th c hi n các bi n pháp chuyên môn nghi p v công tác phòng, ch ng d ch COVID-19 theo các quy nh nêu trên; công b và c p nh t các c p d ch t t c các a ph ng trong t nh; t i p t c tham m u, t ch c th c hi n các gi i pháp v nâng cao n ng l c h th ng y t , nh t là y t d phòng, y t c s , ng th i y m nh tri n khai nhanh, an toàn, hi u qu chi n d ch tiêm ch ng v c xin phòng COVID-19 trên a bàn t nh, xây d ng l trình tiêm v c xin phòng COVID-19 cho tr em và tiêm t ng c ng theo h ng d n c a B Y t ; ch o Trung tâm Ki m soát b nh t t t nh (CDC) c p nh t k p th i thông tin cá nhân ã tiêm v c xin phòng COVID-19 theo quy nh c a B Y t .

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Ph i h p S Y t và UBND các huy n, th xã, thành ph công b , c p nh t c p d ch t i các a ph ng trong t nh và công b c p nh t trên c ng thông tin i n t UBND t nh.

b) Ch trì, ph i h p v i các n v liên quan tri n khai các ng d ng công ngh thông tin trong phòng, ch ng d ch COVID-19.

c) Ph i h p Công an t nh th ng xuyên rà soát trên không gian m ng, phát hi n x ly nghi m các tr ng h p l i d ng a thông tin sai s th t nh h ng n công tác phòng, ch ng d ch COVID-19.

4. Sở Giao thông vận tải

a) Hướng dẫn các hoạt động thi công các dự án, công trình giao thông trên địa bàn tỉnh đảm bảo thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

b) Rà soát hướng dẫn, kế hoạch hoạt động giao thông, vận tải liên tỉnh, lưu thông hàng hóa, bộ môn liên tỉnh chủ yếu cung ứng sản xuất,... thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19.

5. Sở Tài chính

Chỉ đạo, phối hợp với Sở Y tế, các sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu cho Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tỉnh, UBND tỉnh bố trí kinh phí cho công tác phòng, chống dịch, y nhanh tiến giải ngân kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động phòng, chống dịch COVID-19 theo quy định.

6. Công an tỉnh

a) Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn; ý mnh kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác phòng, chống dịch COVID-19.

b) Y nhanh việc kiểm tra, kiểm soát lưu dân cư đi lại và tiêm chủng, xét nghiệm, quản lý người nhiễm COVID-19 khi bị nhiễm triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm dương tính (hoặc hình thức phù hợp) vì việc này giúp giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm (hoặc hình thức phù hợp) vì việc này giúp giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm và công tác phòng, chống dịch COVID-19.

7. Ban Quản lý khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp

a) Phối hợp với Sở Y tế, UBND các huyện, thị xã, thành phố thẩm định, rà soát đánh giá kế hoạch phòng, chống dịch, đánh giá nguy cơ theo Quy định số 2194/QĐ-BYT liên quan đến việc các công ty, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

b) Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch theo Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh về phòng, chống dịch COVID-19 tại các cơ sở sản xuất, khu kinh tế, khu công nghiệp và cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

8. Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa

Tăng cường công tác truyền thông nhằm thông tin, hướng dẫn, tham gia của các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội thực hiện có hiệu quả các biện pháp “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19” trên địa bàn tỉnh. Kết quả thực hiện, biểu dương các tập thể, cá nhân tiên tiến, các mô hình chống dịch, thực hiện tốt các tiêu chí có hiệu quả.

9. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức, đoàn thể

a) Tiếp tục nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cấp chính quyền và nhân dân nâng cao ý thức, trách nhiệm tuân thủ các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19; tiếp tục vận động các tổ chức, doanh nghiệp và phòng, chống dịch, khắc phục ảnh hưởng do dịch gây ra, duy trì, phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh,... phát huy tinh thần sáng tạo của các tầng lớp nhân dân trong phòng, chống dịch, thực hiện mục tiêu kép;

b) Các cấp chính quyền và chính quyền các cấp giữ quy tắc có hiệu quả như trong xã hội béc xúc ngay tức thì, tham gia tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 tại địa phương.

10. UBND các huyện, thị xã, thành phố

a) Các cấp chính quyền, kết quả tiêm chủng vaccine, diễn biến dịch, tình hình thực tiễn (cấp kinh tế, xã hội, dân cư, ...) khuyến nghị phòng và các yêu cầu tra cứu quy định này, thực hiện nghiêm túc việc cấp phát, báo cáo các số liệu về SYT đánh giá, công bố cấp độ theo quy định; đồng thời, chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện đánh giá, công bố cấp độ và triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19.

Các cấp chính quyền áp dụng quy định tại mục IV của văn bản này, ban hành hướng dẫn cụ thể thích hợp an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 có thể có sự vận động, nhưng không vượt quá quy định này. Tiếp tục phối hợp báo cáo Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 tại quy định.

b) Xây dựng, thực hiện kế hoạch thích hợp an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19 và trình cấp trên, khi cần, báo cáo kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19. Thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 phù hợp với diễn biến dịch bệnh tại từng xã, phường, thị trấn.

c) Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi phát triển kinh tế và tinh thần cho người dân, sáng tạo, bám sát thực tiễn, nâng cao cảnh giác, tuy nhiên không lơ là, chủ quan; mở phòng khám “bệnh tích”./.